

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo bổ sung danh sách đào tạo
giáo dục định hướng Chương trình EPS
Khóa K30-VX04/2025

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc năm 2025, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo danh sách người lao động được bổ sung tham gia giáo dục định hướng khóa K30-VX04/2025 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

- Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;
- Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;
- Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày **06/11** đến ngày **19/11/2025**;
- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15h00** Thứ Tư ngày **05/11/2025**;
- Địa điểm đào tạo: Công ty cổ phần xây dựng VXT, Km8+500 Đại lộ Thăng Long, thôn An Thọ, xã Sơn Đồng, Tp Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện

tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc **áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa**, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **06/11/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền*).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
**TRUNG TÂM
LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC**
Phạm Ngọc Lan

DANH SÁCH BỔ SUNG GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K30-VX04/2025

(Kèm theo Công văn số 103/TTLĐNN-TCLĐ ngày 31/10/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
1	50531893	Lục Duy Tú	30/12/2000	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K30VX04-90
2	50307270	Tổng Văn Kết	14/10/2002	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K30VX04-91
3	50307287	Trần Minh Quân	22/10/2003	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K30VX04-92
4	50308107	Vi Văn Mười	09/09/2000	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K30VX04-93
5	50370784	Nguyễn Thị Thu	13/05/1991	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K30VX04-94
6	50308465	Nguyễn Văn Quyết	20/09/2000	Nam	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K30VX04-95
7	50304107	Bùi Thị Nga	08/09/2002	Nữ	Cao Bằng	Cao Bằng	K30VX04-96
8	50532416	Lò Thị Huyền	27/11/2004	Nữ	Điện Biên	Điện Biên	K30VX04-97
9	50300052	Nguyễn Huy Hùng	01/12/1998	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-98
10	50300054	Đào Thanh Bình	03/02/2004	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-99
11	50300437	Phạm Quang Tuấn	18/10/1999	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-100
12	50300802	Khuất Quang Lợi	21/05/1999	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-101
13	50300891	Nguyễn Văn Thắng	29/09/1999	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-102
14	50301032	Đặng Hồng Thái	20/11/2004	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-103
15	50301033	Nguyễn Vũ Linh	04/11/1997	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-104
16	50340178	Nguyễn Hoàng Dương	09/06/2000	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K30VX04-105
17	50302040	Trần Khắc Hiếu	08/08/1998	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K30VX04-106
18	50302242	Lê Văn Phú	22/09/1995	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K30VX04-107
19	50302700	Lê Văn Liên	14/04/1994	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K30VX04-108
20	50301605	Nguyễn Hà Vi	03/10/1999	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K30VX04-109
21	50301932	Nguyễn Thanh Hương	27/09/2000	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K30VX04-110
22	50303259	Đặng Vũ Duy	01/09/2005	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K30VX04-111
23	50311222	Cao Tiến Đức	07/02/1987	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-112
24	50311317	Phạm Thu Hà	04/03/2000	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-113
25	50311334	Triệu Thị Thu Huyền	21/04/2005	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-114
26	50311344	Nguyễn Thị Thúy	10/10/2005	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-115
27	50311411	Đào Thị Thơ	12/11/1987	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-116
28	50311519	Nguyễn Trang Hoài Thu	05/07/2005	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-117
29	50311528	Hoàng Thu Trang	24/04/2005	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-118
30	50311563	Đỗ Hương Giang	10/03/2003	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-119
31	50311574	Nguyễn Lan Hương	29/01/2001	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-120
32	50311614	Phạm Thùy Linh	26/08/2005	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K30VX04-121
33	50303715	Phạm Văn Duy	08/01/1998	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K30VX04-122
34	50303856	Đỗ Quang Long	12/11/2004	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K30VX04-123
35	50303904	Trương Thị Ánh	13/10/1999	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K30VX04-124
36	50310057	Bùi Đức Kiên	25/11/2003	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-125
37	50310368	Nguyễn Quốc Hiệp	27/09/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-126
38	50310431	Hoàng Văn Hóa	22/03/1994	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-127
39	50310574	Nguyễn Việt Linh	02/11/2005	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-128
40	50310846	Vũ Đình Thắng	19/07/1990	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-129
41	50310988	Tiêu Huy Dương	08/05/1998	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-130
42	50350610	Nguyễn Văn Thắng	19/12/1994	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-131
43	50350628	Nguyễn Văn Dũng	16/09/1993	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-132
44	50350629	Trương Hải Nam	19/09/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-133
45	50350633	Nguyễn Văn Hùng	17/07/1995	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K30VX04-134
46	50540904	Dương Đình Vũ	06/03/2004	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-135
47	50540920	Lê Văn Hòa	27/08/2004	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-136

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
48	50311868	Phạm Duy Quyền	22/02/2003	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-137
49	50311934	Vũ Tuấn Anh	01/07/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-138
50	50311997	Trần Xuân Lộc	05/03/2000	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-139
51	50312061	Nguyễn Duy Mạnh	06/03/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-140
52	50312671	Trịnh Dương Thủy	06/04/1998	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K30VX04-141
53	50533853	Nguyễn Thị Hường	08/03/1993	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-142
54	50543329	Nguyễn Ngọc Sơn	25/09/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-143
55	50324070	Phan Quốc Dũng	07/03/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-144
56	50325427	Nguyễn Cảnh Phi	03/09/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-145
57	50325949	Thái Văn Quỳnh	17/02/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-146
58	50353215	Võ Mạnh Đông	10/06/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-147
59	50353238	Chu Trọng Thái	09/07/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-148
60	50353318	Hồ Văn Nhật	18/11/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-149
61	50353363	Nguyễn Văn Thịnh	20/10/1991	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-150
62	50353421	Phạm Hồng Giới	13/12/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-151
63	50353425	Trương Văn Tín	08/03/1991	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-152
64	50353445	Trần Văn Quý	15/08/1991	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-153
65	50353447	Hồ Sỹ Tư	24/06/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K30VX04-154
66	50305775	Phạm Thị Hoa Đào	10/02/1997	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-155
67	50305869	Phạm Thị Thanh Hoa	04/07/2000	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-156
68	50305925	Nguyễn Văn Sáng	15/05/2004	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-157
69	50305997	Nguyễn Duy Hoàng	22/02/2003	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-158
70	50306065	Hán Hải Đường	11/10/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-159
71	50306091	Lê Tiến Hưng	08/09/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-160
72	50306093	Nguyễn Bá Chiến	23/03/2000	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-161
73	50306235	Nguyễn Hữu Giáp	02/07/2000	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-162
74	50306388	Hà Hoàng Lâm	22/03/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-163
75	50306490	Cao Chí Anh	11/04/2003	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-164
76	50306517	Đoàn Thu Phương	22/09/2005	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-165
77	50313619	Vũ Anh Hào	15/07/1997	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K30VX04-166
78	50308976	Lý Thị Khuyến	19/11/2001	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K30VX04-167
79	50309071	Lưu Thị Minh Hoà	14/07/2005	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K30VX04-168
80	50309165	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	22/03/1996	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K30VX04-169
81	50309256	Trần Thu Trang	04/02/2005	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K30VX04-170
82	50305074	Nguyễn Thu Hoài	17/07/2002	Nữ	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K30VX04-171
83	50200631	Nông Minh Tuấn	24/01/1992	Nam	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K30VX04-172
84	50304377	Lăng Thị Quỳnh	12/09/1996	Nữ	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K30VX04-173
85	51120814	Nguyễn Mạnh Tiến	11/07/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-174
86	50533020	Lương Văn Thắng	28/10/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-175
87	50533119	Quách Thị Hiền	27/02/1992	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-176
88	50533164	Trịnh Thị Hương Giang	02/02/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-177
89	50533423	Chu Thị Hồng	27/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-178
90	50542298	Nguyễn Đức Mạnh	04/12/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-179
91	50314736	Lê Huy Sơn	01/03/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-180
92	50315809	Vì Công Đức	09/02/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-181
93	50316528	Nguyễn Minh Đức	03/01/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-182
94	50316845	Phạm Huy Hoàng	18/08/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-183
95	50316974	Lê Duy Quân	10/08/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-184
96	50317161	Trịnh Xuân Công	02/08/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-185
97	50317170	Đào Chính Cường	17/11/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-186

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
98	50317883	Lê Trọng Anh	15/05/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-187
99	50318193	Nguyễn Anh Đức	12/12/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-188
100	50319050	Phạm Thị Quỳnh Như	27/09/1994	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-189
101	50319436	Lê Bá Hiếu	10/04/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-190
102	50320086	Phùng Thị Hằng	15/04/1997	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-191
103	50320304	Bùi Huy Hoàng	11/09/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-192
104	50320333	Nguyễn Sỹ Tuyên	29/10/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-193
105	50320740	Nguyễn Văn Thành	05/09/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-194
106	50320781	Lê Sỹ Công Minh	11/08/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-195
107	50320997	Lê Văn Đoàn	11/04/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-196
108	50321055	Tào Văn Dũng	05/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-197
109	50321142	Phạm Văn Phong	08/02/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-198
110	50321163	Bùi Quang Minh	08/12/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-199
111	50321571	Trần Quốc Tiến	05/04/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-200
112	50321930	Nguyễn Thị Tâm	27/03/1997	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-201
113	50345209	Lê Văn Tinh	27/01/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-202
114	50352231	Trịnh Tứ Định	17/04/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-203
115	50352289	Lê Công Trí	05/05/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-204
116	50352568	Lê Văn Hưng	10/10/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-205
117	50352835	Nguyễn Anh Tú	13/05/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-206
118	50371149	Lê Trung Đức Anh	21/06/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-207
119	50371217	Ngô Thị Thanh	11/10/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-208
120	50371311	Dương Thị Tâm	21/11/1993	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-209
121	50371558	Nguyễn Huy Quyết	28/08/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K30VX04-210

